

TRƯỜNG ĐẠI HỌC ĐỒNG THÁP
HĐ THI ĐÁNH GIÁ NĂNG LỰC NGOẠI NGỮ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

KẾT QUẢ THI ĐÁNH GIÁ NĂNG LỰC NGOẠI NGỮ ĐẦU VÀO (BẠC 3),
ĐẦU RA (BẠC 4) TRONG TUYỂN SINH VÀ ĐÀO TẠO TRÌNH ĐỘ THẠC SĨ
KỲ THI NGÀY: 02/11/2024 - 03/11/2024
NGOẠI NGỮ: TIẾNG TRUNG

TT	SBD	Họ và tên		Năm sinh	Điểm thi				Kết quả trung bình chung	Kết quả làm tròn
					Nghe	Đọc	Viết	Nói		
1	d3tt024	Võ Thị Kim	Hằng	06/02/1998	7,75	7,00	5,75	7,00	6,88	7,00
2	d3tt025	Đinh Lưu Xuân	Hiền	29/05/1999	-	-	-	-	-	-
3	d3tt026	Nguyễn Lê	Huỳnh	18/02/2002	-	-	-	-	-	-
4	d3tt027	Văn Tổ	Ni	25/09/1992	5,50	7,00	3,00	7,00	5,63	5,50
5	d3tt028	Phạm Tổ	Quyên	27/11/2001	-	-	-	-	-	-
6	d3tt029	Phạm Thị Thanh	Tâm	10/07/1989	8,00	8,50	7,00	7,50	7,75	8,00
7	d3tt030	Phạm Thị Cẩm	Tiên	27/09/1996	8,50	8,75	7,50	7,00	7,94	8,00
8	d3tt031	Hồ Thị Huyền	Trân	24/08/2001	-	-	-	-	-	-
9	d3tt032	Đỗ Huỳnh	Trang	13/08/1993	8,50	8,00	7,25	7,50	7,81	8,00
10	d3tt033	Nguyễn Thị Thanh	Trúc	17/06/1991	8,50	8,25	8,00	8,00	8,19	8,00
11	d3tt034	Nguyễn Thị Ngọc	Anh	31/07/2000	7,50	8,75	6,75	7,50	7,63	7,50
12	d3tt035	Nguyễn Thái	Bảo	15/06/1980	8,50	9,25	4,75	6,00	7,13	7,00
13	d3tt036	Phạm Đỗ Uyên	Chi	30/08/1997	6,00	5,00	5,50	6,00	5,63	5,50
14	d3tt037	Mai Thị Hồng	Gấm	25/11/1993	8,75	8,75	7,75	6,50	7,94	8,00
15	d3tt038	Nguyễn Thị	Hiền	22/09/1994	9,00	9,50	7,50	7,50	8,38	8,50
16	d3tt039	Nguyễn Thị Mai	Hoa	01/06/1992	8,50	7,75	6,00	7,50	7,44	7,50
17	d3tt040	Lại Thành	Hung	06/07/1994	6,00	9,25	4,75	5,50	6,38	6,50
18	d3tt041	Phùng Thị Ngọc	Huyền	22/10/1992	7,75	8,75	5,75	6,50	7,19	7,00
19	d3tt190	Phạm Đức	Khiêm	24/04/1992	-	-	-	-	-	-
20	d3tt191	Lê Quốc	Khởi	01/01/1983	9,00	7,75	6,75	5,00	7,13	7,00



TT	SBD	Họ và tên		Năm sinh	Điểm thi				Kết quả trung bình chung	Kết quả làm tròn
					Nghe	Đọc	Viết	Nói		
21	d3tt192	Phạm Thị Ngọc	Liên	29/08/1990	5,75	8,00	4,50	5,00	5,81	6,00
22	d3tt193	Nguyễn Thị Hồng	Lý	09/11/1989	9,00	9,25	7,00	7,00	8,06	8,00
23	d3tt194	Phan Thị	Nga	30/03/2000	6,25	8,25	6,50	6,00	6,75	7,00
24	d3tt195	Đặng Thị Thanh	Nhàn	30/01/1984	4,50	6,00	4,75	5,50	5,19	5,00
25	d3tt196	Phạm Minh	Sang	23/12/1984	7,50	8,50	3,50	6,50	6,50	6,50
26	d3tt197	Phạm Hữu	Thành	26/06/1985	8,25	8,75	5,00	5,50	6,88	7,00
27	d3tt198	Thái Thanh	Thúy	02/06/1982	7,50	7,50	7,50	7,50	7,50	7,50
28	d3tt199	Võ Thị Mỹ	Trâm	25/02/2000	5,50	6,75	2,75	6,00	5,25	5,50
29	d3tt200	Phạm Minh	Trí	16/03/1975	8,00	8,50	4,75	7,50	7,19	7,00
30	d3tt201	Hoàng Thị Thanh	Tú	11/06/1982	7,00	8,50	4,25	5,00	6,19	6,00
31	d3tt202	Phạm Thị Bảo	Uyên	04/04/1986	4,75	6,00	7,00	7,00	6,19	6,00
32	d3tt203	Nguyễn Thanh Tường	Vi	14/01/1987	4,00	5,50	3,25	5,00	4,44	4,50
33	d3tt204	Nguyễn Công	Vương	20/04/1986	6,50	4,75	4,75	6,00	5,50	5,50
34	d3tt205	Nguyễn Thị	Vy	23/05/1983	8,50	8,75	3,00	6,00	6,56	6,50
35	d3tt206	Lê Ngọc Thiên	Ý	13/07/1999	7,25	7,25	6,75	7,00	7,06	7,00
36	d3tt207	Phạm Thị Ngọc	Yến	30/07/1990	6,00	7,75	3,00	6,00	5,69	5,50

Số thí sinh đăng ký dự thi: 36

Số thí sinh có điểm: 31

Ghi chú: Kết quả trung bình chung sau khi làm tròn được quy đổi như sau:

< 4,0: Không sử dụng kết quả đánh giá

Từ 4,0 - 5,5: Đạt năng lực ngoại ngữ Bậc 3

≥ 6,0: Đạt năng lực ngoại ngữ Bậc 4

**ỦY VIÊN
THƯỜNG TRỰC HỘI ĐỒNG**



Hồ Sỹ Thắng



CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG

**HIỆU TRƯỞNG
Hồ Văn Thống**

KẾT QUẢ THI ĐÁNH GIÁ NĂNG LỰC NGOẠI NGỮ ĐẦU VÀO (BẠC 3),
ĐẦU RA (BẠC 4) TRONG TUYỂN SINH VÀ ĐÀO TẠO TRÌNH ĐỘ THẠC SĨ
KỲ THI NGÀY: 02/11/2024 - 03/11/2024
NGOẠI NGỮ: TIẾNG PHÁP

TT	SBD	Họ và tên		Năm sinh	Điểm thi				Kết quả trung bình chung	Kết quả làm tròn
					Nghe	Đọc	Viết	Nói		
1	d3tp001	Phan Phú	Cương	26/03/1983	8,00	6,00	7,50	7,00	7,13	7,00
2	d3tp002	Lê Thị Ngọc	Dung	09/11/1979	8,00	4,50	8,00	5,50	6,50	6,50
3	d3tp003	Trương Võ Thái Thị Thùy	Dương	04/01/1985	9,00	6,75	8,50	6,50	7,69	7,50
4	d3tp004	Ngô Thanh	Hằng	12/12/1992	8,50	5,25	8,00	7,00	7,19	7,00
5	d3tp005	Lê Xuân	Hạnh	18/11/1983	8,50	4,75	7,50	6,50	6,81	7,00
6	d3tp006	Đặng Hoàng	Huy	01/01/1989	8,00	7,25	7,00	6,50	7,19	7,00
7	d3tp007	Lê Thanh	Long	09/06/1994	6,50	6,00	8,00	6,00	6,63	6,50
8	d3tp008	Đỗ Thị Kim	Mau	07/03/1985	-	-	-	-	-	-
9	d3tp009	Từ Ngọc	Ngoan	23/02/1979	7,50	4,75	8,00	6,00	6,56	6,50
10	d3tp010	Lê Hải	Nhân	03/04/1998	8,00	6,00	8,50	6,00	7,13	7,00
11	d3tp011	Nguyễn Minh	Phát	16/08/1993	6,50	5,25	8,50	5,50	6,44	6,50
12	d3tp012	Lê Thị Mai	Phương	25/11/1985	-	-	-	-	-	-
13	d3tp013	Khúc Ngọc Trúc	Quyên	15/08/1989	-	-	-	-	-	-
14	d3tp014	Nguyễn Nhựt	Quỳnh	19/02/2002	7,50	5,25	8,00	5,50	6,56	6,50
15	d3tp015	Nguyễn Tuyết	Tâm	12/08/2002	7,50	6,75	7,50	5,50	6,81	7,00
16	d3tp016	Đỗ Thị Ngọc	Thanh	28/10/1987	8,50	6,50	7,50	8,00	7,63	7,50
17	d3tp017	Trần Văn	Thanh	01/01/1963	5,50	6,50	7,50	5,50	6,25	6,50
18	d3tp018	Nguyễn Tuyết Anh	Thư	15/07/1991	7,50	6,00	7,50	7,00	7,00	7,00
19	d3tp019	Hồ Minh	Thùy	01/01/1981	-	-	-	-	-	-



TT	SBD	Họ và tên		Năm sinh	Điểm thi				Kết quả trung bình chung	Kết quả làm tròn
					Nghe	Đọc	Viết	Nói		
20	d3tp020	Trịnh Đỗ Bảo	Trâm	11/01/1995	7,50	6,00	8,00	6,50	7,00	7,00
21	d3tp021	Phan Trần Quốc	Trí	20/07/1984	5,50	6,75	7,00	8,00	6,81	7,00
22	d3tp022	Phạm Ánh	Tuyết	24/07/1987	7,00	6,75	7,50	5,50	6,69	6,50
23	d3tp023	Trương Thị Thu	Vân	01/01/1983	6,00	7,25	8,00	7,00	7,06	7,00

Số thí sinh đăng ký dự thi: 23

Số thí sinh có điểm: 19

Ghi chú: Kết quả trung bình chung sau khi làm tròn được quy đổi như sau:

< 4,0: Không sử dụng kết quả đánh giá

Từ 4,0 - 5,5: Đạt năng lực ngoại ngữ Bậc 3

≥ 6,0: Đạt năng lực ngoại ngữ Bậc 4

**ỦY VIÊN
THƯỜNG TRỰC HỘI ĐỒNG**


Hồ Sỹ Thắng

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG



**HIỆU TRƯỞNG
Hồ Văn Thống**



KẾT QUẢ THI ĐÁNH GIÁ NĂNG LỰC NGOẠI NGỮ ĐẦU VÀO (BẠC 3),
ĐẦU RA (BẠC 4) TRONG TUYỂN SINH VÀ ĐÀO TẠO TRÌNH ĐỘ THẠC SĨ
KỲ THI NGÀY: 02/11/2024 - 03/11/2024
NGOẠI NGỮ: TIẾNG ANH

TT	SBD	Họ và tên		Năm sinh	Điểm thi				Kết quả trung bình chung	Kết quả làm tròn
					Nghe	Đọc	Viết	Nói		
1	d3ta042	Trần Thị Kim	Chung	12/08/1986	8,75	9,50	6,50	5,50	7,56	7,50
2	d3ta043	Lý Huỳnh Mộng	Diệp	03/07/1980	8,75	9,75	5,50	5,00	7,25	7,50
3	d3ta044	Nguyễn Ngọc	Dung	27/06/1981	8,75	9,75	6,00	6,00	7,63	7,50
4	d3ta045	Nguyễn Ngọc	Dũng	01/10/1981	8,25	9,00	6,00	4,00	6,81	7,00
5	d3ta046	Nguyễn Thị Hồng	Gấm	29/04/1994	8,50	9,25	5,00	4,00	6,69	6,50
6	d3ta047	Nguyễn Thị Thu	Hà	03/03/1978	8,25	9,25	4,50	5,00	6,75	7,00
7	d3ta048	Huỳnh Thị	Hạnh	28/10/1987	8,75	9,25	5,50	6,00	7,38	7,50
8	d3ta049	Nguyễn Thị Mai	Huyền	30/08/1980	8,50	9,25	4,50	5,50	6,94	7,00
9	d3ta050	Vũ Thị Bích	Huyền	28/05/1981	9,50	9,25	2,00	6,00	6,69	6,50
10	d3ta051	Dương Thị Mỹ	Linh	27/05/1981	8,75	9,75	6,00	5,50	7,50	7,50
11	d3ta052	Hoàng Thị Mỹ	Linh	26/12/1976	8,50	9,25	4,50	5,00	6,81	7,00
12	d3ta053	Nguyễn Thị Minh	Loan	31/07/1976	8,75	9,00	5,50	5,00	7,06	7,00
13	d3ta054	Trần Thị	Mai	18/08/1990	8,75	9,25	5,00	4,00	6,75	7,00
14	d3ta055	Nguyễn Thị	Mỹ	28/11/1976	8,75	9,00	4,00	5,00	6,69	6,50
15	d3ta056	Nguyễn Hoàng	Nam	29/12/1986	8,75	9,00	6,00	6,00	7,44	7,50
16	d3ta057	Nguyễn Thị	Nguyên	02/02/1981	8,75	9,25	6,00	4,00	7,00	7,00
17	d3ta058	Nguyễn Thị Thu	Nguyệt	13/10/1986	9,25	9,50	5,50	6,00	7,56	7,50
18	d3ta059	Lê Bích	Phong	23/03/1983	8,75	9,50	5,00	7,00	7,56	7,50
19	d3ta060	Trần Hữu	Phước	16/05/1973	8,00	8,25	3,00	4,00	5,81	6,00
20	d3ta061	Nguyễn Văn	Phương	23/02/1985	8,50	9,50	4,50	6,50	7,25	7,50



TT	SBD	Họ và tên		Năm sinh	Điểm thi				Kết quả trung bình chung	Kết quả làm tròn
					Nghe	Đọc	Viết	Nói		
21	d3ta062	Nguyễn Thị Lệ	Quyên	23/02/1979	8,75	9,25	4,00	5,00	6,75	7,00
22	d3ta063	Lê Thị	Thắm	12/08/1982	9,25	10,00	5,00	4,00	7,06	7,00
23	d3ta064	Trần Hoài	Thanh	04/12/1980	8,50	9,75	4,00	4,00	6,56	6,50
24	d3ta065	Trịnh Thị Thanh	Thảo	31/10/1986	8,75	9,00	4,50	5,50	6,94	7,00
25	d3ta066	Phạm Thị Kim	Thêu	29/11/1990	8,50	9,75	4,50	4,00	6,69	6,50
26	d3ta067	Phạm Công	Thuận	01/06/1987	8,50	9,75	4,50	5,00	6,94	7,00
27	d3ta068	Kiều Thị Thu	Thủy	19/12/1983	8,25	9,75	5,00	3,50	6,63	6,50
28	d3ta069	Hàn Văn	Tiến	18/08/1986	8,50	9,50	4,50	3,50	6,50	6,50
29	d3ta070	Nguyễn Thị	Trang	01/01/1996	8,75	9,75	5,00	4,50	7,00	7,00
30	d3ta071	Nguyễn Thị Thùy	Trang	29/10/1986	8,50	9,75	5,00	4,50	6,94	7,00
31	d3ta072	Nguyễn Thị	Vân	12/09/1997	8,75	9,00	4,50	5,50	6,94	7,00
32	d3ta073	Phạm Thị Thúy	Vân	28/06/1996	8,50	9,50	3,50	4,50	6,50	6,50
33	d3ta074	Nguyễn Vương	Vũ	17/10/1992	8,75	9,50	4,50	7,50	7,56	7,50
34	d3ta075	Trần Thị Ngọc	Dung	15/01/1979	8,25	9,00	2,00	5,00	6,06	6,00
35	d3ta076	Hà Thanh	Hải	23/08/1980	8,25	8,50	3,00	5,50	6,31	6,50
36	d3ta077	Trần Hữu	Hạnh	09/06/1978	8,00	8,00	4,50	6,00	6,63	6,50
37	d3ta078	Phạm Thị Mỹ	Linh	13/11/1982	8,00	8,25	4,00	6,00	6,56	6,50
38	d3ta079	Tăng Thị Tuyết	Ngân	30/05/1990	8,00	8,00	4,50	6,00	6,63	6,50
39	d3ta080	Lưu Thị Trúc	Phương	07/03/1979	8,00	8,00	3,50	5,50	6,25	6,50
40	d3ta081	Nguyễn Thị Thanh	Thảo	09/03/1995	8,25	7,75	4,50	6,00	6,63	6,50
41	d3ta082	Nguyễn Thị	Thật	01/05/1977	8,25	8,50	4,00	5,50	6,56	6,50
42	d3ta083	Nguyễn Ngọc	Thơ	06/11/1982	8,25	8,50	4,50	6,00	6,81	7,00
43	d3ta084	Mai Thị Hà	Vân	08/03/1986	8,25	8,25	4,50	7,50	7,13	7,00
44	d3ta085	Trần Thị Kiều	Diễm	21/10/1985	9,25	9,50	6,00	6,00	7,69	7,50
45	d3ta086	Nguyễn Hồng	Phúc	24/06/1979	9,25	9,50	5,00	6,00	7,44	7,50

TT	SBD	Họ và tên		Năm sinh	Điểm thi				Kết quả trung bình chung	Kết quả làm tròn
					Nghe	Đọc	Viết	Nói		
46	d3ta087	Nguyễn Thị	Phận	01/01/1990	8,75	9,50	6,50	6,00	7,69	7,50
47	d3ta088	Lê Thúy	Ngọc	16/05/2001	-	-	-	-	-	-
48	d3ta089	Trương Thị Yến	Ngọc	20/03/1997	3,75	5,25	4,00	4,50	4,38	4,50
49	d3ta090	Lâm Mỹ	Duyên	13/01/1983	8,00	7,00	4,00	5,50	6,13	6,00
50	d3ta091	Nguyễn Cẩm	Đào	20/10/1988	8,75	9,50	5,00	5,50	7,19	7,00
51	d3ta092	Đào Quế	Hương	16/02/1985	4,75	8,50	3,00	5,00	5,31	5,50
52	d3ta093	Phạm Thị Ngọc	Hương	08/02/1988	6,25	7,00	5,00	5,50	5,94	6,00
53	d3ta094	Nguyễn Văn	Khá	16/12/1986	5,75	7,25	3,00	5,50	5,38	5,50
54	d3ta095	Danh Hùng	Khánh	12/03/1990	6,25	8,00	2,00	5,00	5,31	5,50
55	d3ta096	Lê Vũ Uyên	Nhi	26/11/1994	-	-	-	-	-	-
56	d3ta097	Nguyễn Thị Mỹ	Quyên	10/08/1997	6,25	7,75	4,00	5,00	5,75	6,00
57	d3ta098	Đặng Minh	Thống	20/11/1985	-	-	-	-	-	-
58	d3ta099	Phan Quỳnh	Thu	19/10/2001	6,25	7,75	6,00	7,50	6,88	7,00
59	d3ta100	Lê Thị Cẩm	Vân	28/01/1990	6,00	7,75	5,50	6,00	6,31	6,50
60	d3ta101	Trần Lương Huỳnh	Anh	11/01/2002	6,00	7,50	4,00	6,00	5,88	6,00
61	d3ta102	Tô Bá	Cường	13/08/1985	-	-	-	-	-	-
62	d3ta103	Trần Nguyễn Khắc	Duy	07/07/1997	5,75	7,75	6,00	7,00	6,63	6,50
63	d3ta104	Nguyễn Ngân	Long	04/05/1999	-	-	-	-	-	-
64	d3ta105	Thời Thị Kim	Ngân	14/05/1987	6,00	8,25	5,00	6,00	6,31	6,50
65	d3ta106	Nguyễn Văn	Ngây	23/07/1980	6,00	7,00	3,00	5,50	5,38	5,50
66	d3ta107	Phan Thị Bích	Nhã	20/10/1987	-	-	-	-	-	-
67	d3ta108	Bùi Hữu	Phúc	10/12/1989	5,75	7,75	4,00	4,50	5,50	5,50
68	d3ta109	Lê Tấn	Tài	25/12/1987	5,75	7,75	5,00	5,00	5,88	6,00
69	d3ta110	Trịnh Thị Phương	Thảo	18/05/1987	6,25	8,25	5,00	6,00	6,38	6,50
70	d3ta111	Trần Thị Mỹ	Tú	21/01/1985	-	-	-	-	-	-

TT	SBD	Họ và tên		Năm sinh	Điểm thi				Kết quả trung bình chung	Kết quả làm tròn
					Nghe	Đọc	Viết	Nói		
71	d3ta112	Hà Hoàng	Tuấn	01/01/1985	-	-	-	-	-	-
72	d3ta113	Nguyễn Văn	Giang	25/11/1987	-	-	-	-	-	-
73	d3ta114	Lê Trần Đăng	Khoa	22/12/1992	6,25	7,75	4,75	7,00	6,44	6,50
74	d3ta115	Nguyễn Đăng	Khoa	03/01/1992	6,75	7,75	6,00	8,00	7,13	7,00
75	d3ta116	Trần Minh	Khôi	12/11/1999	7,50	8,00	4,50	6,00	6,50	6,50
76	d3ta117	Nguyễn Thị	Mực	08/06/1993	7,25	8,00	4,25	6,00	6,38	6,50
77	d3ta118	Nguyễn Thanh	Nhã	30/11/1994	6,75	8,00	5,00	5,50	6,31	6,50
78	d3ta119	Bằng Thới	Nhân	07/02/2000	-	-	-	-	-	-
79	d3ta120	Trần Thị Hồng	Nhung	26/10/1994	6,50	8,00	5,00	6,00	6,38	6,50
80	d3ta121	Nguyễn Thị Kiều	Oanh	19/07/1992	6,00	7,25	5,00	6,50	6,19	6,00
81	d3ta122	Phạm Phú	Quý	12/03/1987	6,00	7,25	4,00	7,50	6,19	6,00
82	d3ta123	Lê Minh	Tâm	31/05/2002	6,25	7,25	3,75	5,00	5,56	5,50
83	d3ta124	Hứa Quang	Tạo	10/07/1987	5,75	6,75	4,00	6,00	5,63	5,50
84	d3ta125	Mai Thị Thanh	Thảo	14/05/2001	5,75	6,50	4,00	6,00	5,56	5,50
85	d3ta126	Đặng Văn	Tú	05/06/1999	-	-	-	-	-	-
86	d3ta127	Vô Hữu	Hạnh	17/02/1986	5,50	6,25	3,75	5,00	5,13	5,00
87	d3ta128	Huỳnh Đăng	Khoa	26/10/1984	5,50	6,25	2,50	5,00	4,81	5,00
88	d3ta129	Lê Nguyễn	Luân	05/01/1999	6,00	8,00	3,50	6,50	6,00	6,00
89	d3ta130	Mã	Nỹ	27/11/1988	4,50	6,50	4,00	4,50	4,88	5,00
90	d3ta131	Nguyễn Triệu	Phú	30/12/1996	6,25	7,00	6,00	6,50	6,44	6,50
91	d3ta132	Khru Thành	Tài	13/08/1982	5,50	7,00	4,50	7,00	6,00	6,00
92	d3ta133	Vô Kha Anh	Thoại	10/03/1996	5,75	7,00	5,00	4,00	5,44	5,50
93	d3ta134	Nguyễn Thị Bích	Thủy	07/02/1984	6,25	6,75	5,00	6,00	6,00	6,00
94	d3ta135	Cao Xuân Quốc	Trung	08/06/1982	8,25	9,50	6,50	6,50	7,69	7,50
95	d3ta136	Phan Hồ Trúc	Văn	01/01/2000	6,75	6,25	3,50	3,50	5,00	5,00

TT	SBD	Họ và tên		Năm sinh	Điểm thi				Kết quả trung bình chung	Kết quả làm tròn
					Nghe	Đọc	Viết	Nói		
96	d3ta137	Lê Công	Vũ	01/04/1984	6,00	6,75	5,50	6,00	6,06	6,00
97	d3ta138	Trần Văn	Cầm	25/05/1973	5,50	7,00	3,00	4,50	5,00	5,00
98	d3ta139	Lý Thanh	Cần	09/04/1987	5,75	7,00	3,50	4,00	5,06	5,00
99	d3ta140	Nguyễn Duy	Cường	08/08/1981	6,00	6,75	3,00	5,50	5,31	5,50
100	d3ta141	Văn Kiều	Diễm	27/12/1984	3,75	6,25	4,00	5,00	4,75	5,00
101	d3ta142	Phạm Thị	Dung	10/04/1991	7,50	6,75	6,00	6,50	6,69	6,50
102	d3ta143	Phan Phước	Hải	16/09/1986	5,75	7,25	6,00	5,50	6,13	6,00
103	d3ta144	Nguyễn Tuấn	Hào	28/08/2001	5,75	6,75	4,50	4,00	5,25	5,50
104	d3ta145	Nguyễn Trung	Hiếu	30/11/1997	6,25	7,00	6,00	6,00	6,31	6,50
105	d3ta146	Tăng Thị Ngọc	Nhi	20/10/1992	-	-	-	-	-	-
106	d3ta147	Lư Minh	Phụng	15/10/1999	5,50	7,75	6,00	5,00	6,06	6,00
107	d3ta148	Võ Quốc	Thanh	10/08/1984	5,50	7,25	5,00	4,00	5,44	5,50
108	d3ta149	Nguyễn Thị Kim	Thật	24/05/1990	-	-	-	-	-	-
109	d3ta150	Lê Thị Thanh	Xuân	12/11/1985	5,75	8,00	7,50	6,50	6,94	7,00
110	d3ta151	Nguyễn Thị Thúy	Duy	21/10/1991	6,25	6,00	4,00	5,50	5,44	5,50
111	d3ta152	Ngô Văn	Hoài	10/05/2002	-	-	-	-	-	-
112	d3ta153	Nguyễn Văn Quốc	Huy	14/09/2000	6,00	6,75	4,50	5,00	5,56	5,50
113	d3ta154	Lê Văn	Lắm	16/12/1990	6,75	8,50	6,50	7,50	7,31	7,50
114	d3ta155	Nguyễn Minh	Ngọc	26/11/2000	6,75	8,50	6,50	4,50	6,56	6,50
115	d3ta156	Lê Nguyễn Trung	Nhân	12/02/1975	3,50	7,50	3,50	4,00	4,63	4,50
116	d3ta157	Nguyễn Thị Tuyết	Nhung	30/08/1990	6,25	7,25	4,50	4,00	5,50	5,50
117	d3ta158	Võ Thị Cẩm	Nhung	15/09/1995	5,50	7,50	6,00	6,00	6,25	6,50
118	d3ta159	Nguyễn Thị Kim	Phụng	30/04/1986	7,25	8,50	6,00	6,50	7,06	7,00
119	d3ta160	Nguyễn Trúc	Phương	16/07/2001	-	-	-	-	-	-
120	d3ta161	Trần Minh	Tâm	27/03/1994	7,25	8,50	6,50	6,50	7,19	7,00

TT	SBD	Họ và tên		Năm sinh	Điểm thi				Kết quả trung bình chung	Kết quả làm tròn
					Nghe	Đọc	Viết	Nói		
121	d3ta162	Đỗ Thị Thủy	Tiên	15/01/1994	7,25	8,50	7,50	7,50	7,69	7,50
122	d3ta163	Lê Minh Hồng	Trang	20/12/1987	6,50	6,00	5,00	5,00	5,63	5,50
123	d3ta164	Bùi Văn	Bền	12/10/1985	4,50	5,75	4,00	3,00	4,31	4,50
124	d3ta165	Võ Văn Bảy	Em	01/07/1980	4,50	6,25	4,00	4,00	4,69	4,50
125	d3ta166	Nguyễn Thị	Gấm	10/05/1987	4,50	6,50	4,50	4,00	4,88	5,00
126	d3ta167	Trương Hoàng	Giang	09/08/1986	4,50	6,50	4,50	4,50	5,00	5,00
127	d3ta168	Phạm Tấn	Lợi	20/11/1978	4,50	6,25	4,00	3,00	4,44	4,50
128	d3ta169	Nguyễn Thị Thùy	My	05/06/1981	4,25	6,00	4,50	5,00	4,94	5,00
129	d3ta170	Huỳnh Đức	Nhân	14/12/1986	4,25	6,00	5,00	5,50	5,19	5,00
130	d3ta171	Lê Ngọc	Sương	12/08/1983	5,25	6,25	4,50	6,00	5,50	5,50
131	d3ta172	Phạm Ngọc	Thắng	11/05/1983	5,75	6,75	3,00	3,00	4,63	4,50
132	d3ta173	Nguyễn Trí	Vàng	08/11/1978	5,50	8,00	6,00	4,00	5,88	6,00
133	d3ta174	Huỳnh Xuân	Vũ	13/04/1982	5,25	7,75	5,50	6,00	6,13	6,00
134	d3ta175	Trương Thành	Đạt	17/11/1997	6,75	7,50	5,50	8,00	6,94	7,00
135	d3ta176	Cao Thị Thu	Hà	10/08/1991	6,75	7,50	6,00	4,00	6,06	6,00
136	d3ta177	Nguyễn Ngọc	Hiền	20/03/1983	6,00	7,75	7,00	3,50	6,06	6,00
137	d3ta178	Phan Nguyễn Kim	Hồng	23/01/1997	6,25	7,25	6,00	5,00	6,13	6,00
138	d3ta179	Lê Hữu	Hung	21/06/1990	-	-	-	-	-	-
139	d3ta180	Thái Minh	Khởi	01/01/1986	6,75	7,00	5,00	5,00	5,94	6,00
140	d3ta181	Lê Phương	Lâm	15/09/1991	6,75	6,75	5,00	5,50	6,00	6,00
141	d3ta182	Nguyễn Trần Mỹ	Linh	23/09/1993	6,50	7,50	7,00	7,00	7,00	7,00
142	d3ta183	Lê Thị Mai	Loan	15/09/1995	6,25	8,00	6,00	4,00	6,06	6,00
143	d3ta184	Nguyễn Thị Thanh	Ngân	18/02/1998	7,25	7,75	5,50	6,50	6,75	7,00
144	d3ta185	Lê Trương Hoàng	Nhân	05/06/1991	6,75	8,00	6,50	6,00	6,81	7,00
145	d3ta186	Nguyễn Thị Khiết	Tâm	26/01/1989	7,50	8,00	6,00	7,00	7,13	7,00

TT	SBD	Họ và tên		Năm sinh	Điểm thi				Kết quả trung bình chung	Kết quả làm tròn
					Nghe	Đọc	Viết	Nói		
146	d3ta187	Lê Thiên	Thanh	01/06/1991	6,75	8,00	6,50	6,00	6,81	7,00
147	d3ta188	Phan Thế Mỹ	Tiên	10/07/1997	6,25	7,25	5,50	5,00	6,00	6,00
148	d3ta189	Trần Văn	Tiến	14/05/1995	6,25	7,75	5,50	5,00	6,13	6,00
149	d3ta208	Nguyễn Thị Tuyết	Anh	01/03/1990	6,00	6,75	5,50	6,50	6,19	6,00
150	d3ta209	Trần Thị	Bé	10/10/1978	5,50	7,00	5,00	4,50	5,50	5,50
151	d3ta210	Phan Văn	Cảnh	28/03/1999	6,25	7,25	3,00	3,50	5,00	5,00
152	d3ta211	Huỳnh Thị Kim	Chánh	02/01/1989	7,50	8,75	4,50	5,00	6,44	6,50
153	d3ta212	Trần Thị Diễm	Châu	12/11/1980	7,75	8,75	5,50	5,50	6,88	7,00
154	d3ta213	Vũ Thị Kim	Chi	10/10/1989	7,75	8,75	3,00	4,50	6,00	6,00
155	d3ta214	Phùng Thị Ngọc	Điệp	15/07/1987	7,75	8,75	3,50	5,00	6,25	6,50
156	d3ta215	Bùi Thị Thu	Hà	04/11/1983	6,25	7,75	4,00	6,00	6,00	6,00
157	d3ta216	Ngô Văn	Hiệp	14/02/1973	5,75	8,25	5,50	5,00	6,13	6,00
158	d3ta217	Nguyễn Thị Thu	Hồng	29/03/1978	4,25	6,50	2,50	4,50	4,44	4,50
159	d3ta218	Phạm Thị	Hương	16/11/1980	4,75	8,75	4,00	3,50	5,25	5,50
160	d3ta219	Triệu Thị Thanh	Hương	10/09/1978	6,25	8,50	3,50	6,00	6,06	6,00
161	d3ta220	Nguyễn Kim	Huyền	18/07/1979	8,25	9,00	5,50	4,00	6,69	6,50
162	d3ta221	Trần Thị	Liên	09/03/1993	8,00	9,00	5,50	4,00	6,63	6,50
163	d3ta222	Nguyễn Hữu	Nghĩa	21/06/1996	8,25	9,00	2,50	4,50	6,06	6,00
164	d3ta223	Phan Kim Minh	Nguyệt	21/06/1991	8,25	8,75	4,00	6,50	6,88	7,00
165	d3ta224	Huỳnh Kim	Phương	25/10/1989	8,00	7,00	3,50	5,00	5,88	6,00
166	d3ta225	Trần Minh	Quyên	20/08/1995	6,75	8,00	3,50	7,50	6,44	6,50
167	d3ta226	Nguyễn Đặng Ngọc	Tâm	19/07/1990	6,50	7,75	3,00	5,00	5,56	5,50
168	d3ta227	Nguyễn Thị Chí	Tâm	20/07/1972	6,50	8,25	5,50	5,00	6,31	6,50
169	d3ta228	Nguyễn Thị Phương	Thanh	02/01/1996	7,25	7,25	2,00	3,50	5,00	5,00
170	d3ta229	Nguyễn Thị Minh	Thơ	10/02/1989	6,50	8,75	4,50	6,50	6,56	6,50

TT	SBD	Họ và tên		Năm sinh	Điểm thi				Kết quả trung bình chung	Kết quả làm tròn
					Nghe	Đọc	Viết	Nói		
171	d3ta230	Lê Minh	Thúy	08/10/1982	4,50	6,25	2,00	3,00	3,94	4,00
172	d3ta231	Trần Thị Ngọc	Trân	26/02/1982	5,25	6,25	4,50	5,50	5,38	5,50
173	d3ta232	Thái Quế	Trang	22/09/1983	6,50	6,25	4,00	6,50	5,81	6,00
174	d3ta233	Trần Thị Tuyết	Trinh	10/02/1995	6,75	6,75	4,50	5,00	5,75	6,00
175	d3ta234	Nguyễn Văn Bảo	Trung	19/08/1993	6,75	8,00	3,00	5,50	5,81	6,00
176	d3ta235	Nguyễn Nhật	Trường	23/07/1989	6,50	6,75	5,00	7,00	6,31	6,50
177	d3ta236	Lữ Kim	Tuyền	15/10/1979	6,25	6,25	4,00	4,00	5,13	5,00
178	d3ta237	Lê Thị	Vân	17/09/1985	6,75	7,00	3,00	4,00	5,19	5,00
179	d3ta238	Phạm Thị Thanh	Bình	16/02/1993	7,50	7,25	3,00	5,50	5,81	6,00
180	d3ta239	Nguyễn Võ Kim	Chi	15/09/1989	7,50	7,75	5,00	6,00	6,56	6,50
181	d3ta240	Nguyễn Ngọc	Diễm	06/11/1992	7,50	7,75	3,50	6,50	6,31	6,50
182	d3ta241	Trần Nguyễn Gia	Hân	22/03/2000	-	-	-	-	-	-
183	d3ta242	Trần Thùy Kim	Hằng	18/09/1991	6,00	8,00	6,00	3,00	5,75	6,00
184	d3ta243	Nguyễn Thị	Hiền	09/07/1985	5,75	8,25	5,00	7,00	6,50	6,50
185	d3ta244	Đoàn Công	Hiếu	10/10/1989	7,50	7,00	5,50	5,00	6,25	6,50
186	d3ta245	Nguyễn Thế Duy	Khôi	29/10/1993	8,00	7,75	5,00	6,00	6,69	6,50
187	d3ta246	Nguyễn Thị	Kiều	25/11/1973	7,50	7,75	3,00	5,00	5,81	6,00
188	d3ta247	Đinh Thị Mỹ	Lệ	04/04/1996	6,75	7,50	3,50	4,50	5,56	5,50
189	d3ta248	Nguyễn Thành	Nam	04/06/1981	6,25	7,75	3,50	4,50	5,50	5,50
190	d3ta249	Lê Minh	Nhật	08/09/1996	6,25	7,50	3,50	4,50	5,44	5,50
191	d3ta250	Võ Thị Quỳnh	Như	05/02/1989	8,25	8,25	2,00	4,00	5,63	5,50
192	d3ta251	Phan Thị Ngọc	Nữ	10/03/1978	8,50	8,00	2,50	4,50	5,88	6,00
193	d3ta252	Lê Thị Kim	Quyên	03/09/1989	8,25	8,25	2,50	5,00	6,00	6,00
194	d3ta253	Hồ Thị	Sơn	23/09/1988	6,00	8,50	5,00	6,00	6,38	6,50
195	d3ta254	Nguyễn Thị Tuyết	Sương	06/03/1990	6,25	8,75	4,50	6,00	6,38	6,50

VÀ
NG
OC
TH
★

TT	SBD	Họ và tên		Năm sinh	Điểm thi				Kết quả trung bình chung	Kết quả làm tròn
					Nghe	Đọc	Viết	Nói		
196	d3ta255	Nguyễn Thị Hồng	Thắm	14/05/1984	6,00	8,50	4,00	5,00	5,88	6,00
197	d3ta256	La Chí	Thanh	13/02/1985	5,75	8,75	4,50	5,00	6,00	6,00
198	d3ta257	Huỳnh Ngọc	Thảo	26/05/1990	5,25	8,50	4,50	5,50	5,94	6,00
199	d3ta258	Nguyễn Văn	Thuận	02/09/1979	5,25	9,50	4,00	5,00	5,94	6,00
200	d3ta259	Trần Thị Bích	Thủy	09/02/1983	4,75	10,00	5,00	5,50	6,31	6,50
201	d3ta260	Trần Thị Thanh	Thủy	22/03/1991	7,25	9,75	5,50	6,50	7,25	7,50
202	d3ta261	Lý Thị Hồng	Trang	24/03/1987	7,50	9,75	6,00	5,50	7,19	7,00
203	d3ta262	Nguyễn Thị Xuân	Trang	10/05/1988	4,50	8,00	6,00	5,00	5,88	6,00
204	d3ta263	Đặng Thị Minh	Trí	09/06/1982	6,25	8,25	6,00	6,50	6,75	7,00
205	d3ta264	Phạm Thị Ngọc	Triều	16/05/1984	6,25	7,75	5,00	5,00	6,00	6,00
206	d3ta265	Huỳnh Thanh	Trung	13/09/1983	4,75	7,50	5,50	7,00	6,19	6,00
207	d3ta266	Bùi Nhật	Trường	12/11/1998	6,75	7,25	6,50	7,50	7,00	7,00
208	d3ta267	Nguyễn Trung	Trường	16/06/1984	6,50	7,50	6,50	5,50	6,50	6,50
209	d3ta268	Lê Thị Cẩm	Tú	22/09/1986	6,00	8,75	6,00	6,00	6,69	6,50
210	d3ta269	Nguyễn Anh	Tuấn	08/06/1994	8,75	8,50	7,00	6,00	7,56	7,50
211	d3ta270	Nguyễn Thị Kim	Việt	15/06/1996	8,00	8,50	6,00	6,00	7,13	7,00
212	d3ta271	Lâm Ngọc	Vy	09/04/1977	7,75	8,75	6,00	5,50	7,00	7,00
213	d3ta272	Đinh Thị	Xim	20/12/1993	7,75	9,00	6,00	5,00	6,94	7,00
214	d3ta273	Nguyễn Thị Bạch	Yến	10/11/1984	8,25	9,00	6,00	7,50	7,69	7,50
215	d3ta274	Tạ Ngọc	Yến	08/12/1990	7,75	9,00	7,00	6,00	7,44	7,50
216	d3ta275	Võ Thị Lệ	Hiền	23/07/1973	4,75	7,75	6,00	6,00	6,13	6,00
217	d3ta276	Cao Thị Kim	Chi	24/07/1992	4,50	9,25	3,00	4,50	5,31	5,50
218	d3ta277	Đỗ Thị Thu	Cúc	21/06/1988	-	-	-	-	-	-
219	d3ta278	Phạm Tiến	Dũng	07/08/1976	4,75	9,25	3,50	6,00	5,88	6,00
220	d3ta279	Võ Như	Dũng	26/11/1983	8,75	9,75	6,50	6,50	7,88	8,00

TT	SBD	Họ và tên	Năm sinh	Điểm thi				Kết quả trung bình chung	Kết quả làm tròn
				Nghe	Đọc	Viết	Nói		
221	d3ta280	Đinh Nguyễn Quốc Duy	02/07/1994	6,00	9,50	6,50	5,00	6,75	7,00
222	d3ta281	Tạ Lê Duy	15/10/1991	9,50	9,75	6,00	7,50	8,19	8,00
223	d3ta282	Tạ Thị Thanh Hằng	13/12/1997	-	-	-	-	-	-
224	d3ta283	Nguyễn Tấn Hào	18/10/1986	5,50	9,25	6,00	4,00	6,19	6,00
225	d3ta284	Cao Thanh Hoàng	08/10/1979	8,75	9,75	5,50	6,00	7,50	7,50
226	d3ta285	Nguyễn Kim Hoàng	18/01/1980	8,25	9,25	3,50	4,00	6,25	6,50
227	d3ta286	Bùi Thị Ánh Hương	29/03/1995	8,50	9,25	5,50	5,00	7,06	7,00
228	d3ta287	Đỗ Thị Lan Hương	21/08/1998	-	-	-	-	-	-
229	d3ta288	Nguyễn Hoàng Trúc Linh	20/08/1981	6,25	8,75	5,00	5,00	6,25	6,50
230	d3ta289	Nguyễn Thị Bích Loan	13/09/1983	-	-	-	-	-	-
231	d3ta290	Nguyễn Thị Kim Ngân	07/01/1991	8,75	9,50	5,50	7,00	7,69	7,50
232	d3ta291	Nguyễn Thị Kiều Oanh	04/11/1983	4,50	9,50	3,50	4,00	5,38	5,50
233	d3ta292	Phan Hoàng Lệ Quyên	19/02/1984	8,25	9,00	3,50	4,00	6,19	6,00
234	d3ta293	Phan Thị Kim Thủy	03/08/1987	8,50	9,25	3,00	4,00	6,19	6,00
235	d3ta294	Phan Thị Thúy Vân	16/04/1990	8,25	9,25	3,00	4,00	6,13	6,00
236	d3ta295	Trần Thị Ngọc Yến	22/04/1988	-	-	-	-	-	-
237	d3ta296	Phạm Thanh An	17/02/1998	4,75	6,25	5,00	3,00	4,75	5,00
238	d3ta297	Lê Việt Bình	14/10/1990	6,00	7,00	4,50	6,00	5,88	6,00
239	d3ta298	Lê Minh Đoàn	20/04/1986	6,25	6,00	3,50	5,00	5,19	5,00
240	d3ta299	Đặng Xuân Đức	18/08/1988	6,75	6,75	4,50	5,00	5,75	6,00
241	d3ta300	Nguyễn Thị Thu Hằng	01/10/1984	6,75	7,00	5,50	6,00	6,31	6,50
242	d3ta301	Lê Thị Hồng	17/03/1992	6,25	6,75	4,50	6,50	6,00	6,00
243	d3ta302	Lâm Bá Tuấn Khang	12/11/1999	-	-	-	-	-	-
244	d3ta303	Đỗ Thị Bích Liên	22/03/1994	6,25	7,00	5,50	5,00	5,94	6,00
245	d3ta304	Nguyễn Quang Minh	28/02/1998	6,00	7,00	5,50	5,50	6,00	6,00

TT	SBD	Họ và tên		Năm sinh	Điểm thi				Kết quả trung bình chung	Kết quả làm tròn
					Nghe	Đọc	Viết	Nói		
246	d3ta305	Văn Thị	Ngọc	06/11/1995	6,00	6,75	6,50	5,50	6,19	6,00
247	d3ta306	Trần Hữu	Tài	08/03/1995	7,50	7,25	5,50	7,00	6,81	7,00
248	d3ta307	Trương Xuân	Thuần	10/10/1991	6,25	6,75	6,00	4,00	5,75	6,00
249	d3ta308	Bùi Duy	Tính	26/10/1990	5,75	7,00	5,50	5,00	5,81	6,00
250	d3ta309	Nguyễn Thu	Trang	02/03/1996	5,75	6,75	7,00	3,00	5,63	5,50
251	d3ta310	Nguyễn Thụy Thanh	Trình	12/11/1992	-	-	-	-	-	-
252	d3ta311	Trần Thị Mỹ	Trình	31/03/1988	6,00	7,75	6,50	7,00	6,81	7,00
253	d3ta312	Danh Phương	Tùng	02/12/1990	6,00	7,25	4,50	4,00	5,44	5,50
254	d3ta313	Trần Đoàn Thanh	Tuyết	15/09/1988	6,00	6,25	6,00	6,00	6,06	6,00
255	d3ta314	Bùi Trường	Vũ	01/01/1998	5,75	6,00	5,00	6,00	5,69	5,50
256	d3ta315	Đàm Thị Ngọc	Anh	30/10/2000	6,50	6,00	6,00	7,00	6,38	6,50
257	d3ta316	Nguyễn Thị Quỳnh	Anh	07/01/1997	6,25	6,00	6,00	4,00	5,56	5,50
258	d3ta317	Phạm Thị Quỳnh	Anh	22/02/2001	6,00	6,00	5,50	7,00	6,13	6,00
259	d3ta318	Trần Thị Thu	Anh	19/12/1986	6,00	5,75	5,00	2,00	4,69	4,50
260	d3ta319	Nguyễn Thanh	Bình	10/01/1993	5,75	6,00	6,50	6,00	6,06	6,00
261	d3ta320	Đào Lê Quỳnh	Châu	10/10/1990	6,75	8,75	7,00	6,00	7,13	7,00
262	d3ta321	Phan Thị Minh	Châu	19/04/2000	5,75	8,00	7,00	7,00	6,94	7,00
263	d3ta322	Nguyễn Thị Thảo	Chinh	11/07/1996	5,75	6,50	7,50	8,00	6,94	7,00
264	d3ta323	Nguyễn Thị Thanh	Dung	25/01/1990	5,75	7,50	5,50	5,50	6,06	6,00
265	d3ta324	Đỗ Thị Hồng	Duyên	05/03/1991	6,00	7,25	6,00	7,50	6,69	6,50
266	d3ta325	Khru Văn	Đa	08/06/1994	6,00	7,75	7,50	7,50	7,19	7,00
267	d3ta326	Lê Thị	Hà	15/08/1994	6,50	7,25	6,00	4,50	6,06	6,00
268	d3ta327	Nguyễn Thị Hải	Hà	10/04/2001	6,50	7,75	5,00	7,50	6,69	6,50
269	d3ta328	Đoàn Thanh	Hải	06/12/1986	6,50	8,00	4,50	7,00	6,50	6,50
270	d3ta329	Nguyễn Thị Ngọc	Hận	23/09/1991	5,25	7,25	5,50	5,50	5,88	6,00

TT	SBD	Họ và tên	Năm sinh	Điểm thi				Kết quả trung bình chung	Kết quả làm tròn
				Nghe	Đọc	Viết	Nói		
271	d3ta330	Hoàng Thị Hanh	20/10/1986	6,75	8,75	3,50	5,00	6,00	6,00
272	d3ta331	Bùi Thị Thanh Diệu Hồng	24/04/1988	6,75	8,75	5,50	7,00	7,00	7,00
273	d3ta332	Nguyễn Thị Phương Huế	04/03/1993	6,75	9,00	6,00	4,00	6,44	6,50
274	d3ta333	Vũ Thị Thu Hương	26/12/1983	6,00	7,25	5,50	6,50	6,31	6,50
275	d3ta334	Mai Thị Thu Hường	15/07/2000	6,00	7,25	5,00	5,00	5,81	6,00
276	d3ta335	Đặng Thái Huy	06/06/1979	6,00	6,75	6,00	6,00	6,19	6,00
277	d3ta336	Trương Quốc Huy	21/08/1980	5,50	7,00	4,50	4,00	5,25	5,50
278	d3ta337	Nguyễn Bính Khiêm	14/05/1988	6,25	7,75	5,50	8,00	6,88	7,00
279	d3ta338	Nguyễn Thị Mỹ Linh	03/01/1999	7,50	8,00	5,00	6,00	6,63	6,50
280	d3ta339	Nguyễn Thị Thùy Linh	24/05/1990	-	-	-	-	-	-
281	d3ta340	Nguyễn Thị Thùy Linh	05/08/2000	7,25	8,50	6,50	9,00	7,81	8,00
282	d3ta341	Phan Thùy Linh	17/12/1996	6,25	7,75	5,50	4,50	6,00	6,00
283	d3ta342	Trần Vũ Huyền My	16/03/1998	5,25	7,00	4,00	7,00	5,81	6,00
284	d3ta343	Cao Thiên Ngân	01/10/1982	5,50	7,50	5,50	7,50	6,50	6,50
285	d3ta344	Lê Thị Thu Ngân	11/01/1998	4,50	7,50	5,50	6,50	6,00	6,00
286	d3ta345	Phan Thị Thùy Ngân	30/01/1982	6,00	7,50	5,50	7,50	6,63	6,50
287	d3ta346	Trần Văn Nghĩa	07/01/1999	7,50	7,75	5,00	6,00	6,56	6,50
288	d3ta347	Nguyễn Thị Nguyệt	14/06/1991	7,75	8,25	6,00	5,50	6,88	7,00
289	d3ta348	Nguyễn Thị Yến Nhi	19/04/2002	7,75	8,25	6,00	8,50	7,63	7,50
290	d3ta349	Võ Trang Tuyết Nhung	05/04/1991	6,75	7,50	5,00	8,00	6,81	7,00
291	d3ta350	Lưu Hoàng Phúc	23/09/1991	6,50	7,25	5,00	6,50	6,31	6,50
292	d3ta351	Phạm Bình Phương	24/12/1988	4,25	6,50	5,00	6,00	5,44	5,50
293	d3ta352	Tường Thị Thanh Phương	26/06/1992	5,50	6,25	5,50	6,00	5,81	6,00
294	d3ta353	Trần Hà Lệ Quyên	05/07/1991	6,75	6,00	5,50	5,50	5,94	6,00
295	d3ta354	Lê Thị Như Quỳnh	29/07/2000	6,00	7,75	6,00	8,00	6,94	7,00

TT	SBD	Họ và tên	Năm sinh	Điểm thi				Kết quả trung bình chung	Kết quả làm tròn
				Nghe	Đọc	Viết	Nói		
296	d3ta355	Nguyễn Thị Sen	19/12/1995	6,00	6,25	4,50	5,00	5,44	5,50
297	d3ta356	Hoàng Thị Minh Tâm	22/09/1988	5,75	6,25	4,50	6,50	5,75	6,00
298	d3ta357	Nguyễn Thị Kim Thảo	08/11/1992	5,50	5,50	3,50	5,50	5,00	5,00
299	d3ta358	Nguyễn Thị Thu Thảo	06/02/1993	5,25	5,75	4,00	5,00	5,00	5,00
300	d3ta359	Nguyễn Thị Ngọc Trâm	30/08/1977	6,00	6,50	4,50	7,00	6,00	6,00
301	d3ta360	Nguyễn Thị Thu Trâm	14/01/1990	5,75	5,50	3,50	5,50	5,06	5,00
302	d3ta361	Nguyễn Thùy Trang	04/09/2001	6,00	5,75	3,50	4,00	4,81	5,00
303	d3ta362	Đặng Thị Mộng Tuyết	24/08/1993	5,25	6,25	4,50	6,00	5,50	5,50
304	d3ta363	Phan Thị Tường Vi	19/06/1997	5,50	6,50	5,50	4,00	5,38	5,50
305	d3ta364	Mai Yến Vy	02/12/2001	6,00	6,75	5,50	8,50	6,69	6,50
306	d3ta365	Trần Lâm Bảo Vy	21/07/1998	5,75	6,25	5,00	5,00	5,50	5,50
307	d3ta366	Vũ Thị Yên	10/03/1990	5,25	6,00	4,50	5,50	5,31	5,50
308	d3ta367	Hồ Thị Phi Yến	26/05/1997	6,00	6,50	5,50	7,00	6,25	6,50

Số thí sinh đăng ký dự thi: 308

Số thí sinh có điểm: 283

Ghi chú: Kết quả trung bình chung sau khi làm tròn được quy đổi như sau:

< 4,0: Không sử dụng kết quả đánh giá

Từ 4,0 - 5,5: Đạt năng lực ngoại ngữ Bậc 3

≥ 6,0: Đạt năng lực ngoại ngữ Bậc 4

ỦY VIÊN
THƯỜNG TRỰC HỘI ĐỒNG



Hồ Sỹ Thắng

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG



HIỆU TRƯỞNG
Hồ Văn Thống

